

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 319/2024/DS-PT

Ngày: 20 – 8 – 2024

V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu
tài sản trong khối tài sản chung để thi
hành án.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản trong khối tài sản chung để thi hành án.”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ánh M, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn:

1. Bà Trần Thị Mai P, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ tạm trú: 23/46 N, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Chị Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau;

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau;

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau;

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau;

5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau;

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau;

7. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;

Địa chỉ trụ sở: Số 2, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

8. Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Địa chỉ trụ sở: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau;

9. Ban quản lý rừng phòng hộ B.

Địa chỉ trụ sở: Ấp Gò Công, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;

10. Ông Mai Văn N.

Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

11. Ông Trần Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn G, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Ánh M trình bày:* Theo bản án dân sự sơ thẩm số 24/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N xét xử đã buộc bà Trần Thị Mai P trả cho bà Nguyễn Ánh M số tiền nợ hui là 1.110.000.000 đồng,

bản án có hiệu lực thi hành. Quá trình tổ chức thi hành án thì Cơ quan thi hành án dân sự huyện N kiểm kê tài sản các phần đất ở tại khóm 3, thị trấn N để thi hành án thì ông Nguyễn Văn G không thống nhất vì cho rằng ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P đã thỏa thuận phân chia tài sản trước đó, là tài sản của ông Nguyễn Văn G. Bà Nguyễn Ánh M không thống nhất vì cho rằng việc thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P là để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Cơ quan thi hành án dân sự huyện N đã thông báo cho ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị Mai P và bà Nguyễn Ánh M thực hiện việc tự phân chia tài sản hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản để thi hành án. Từ đó, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định 03 phần đất tọa lạc tại Khóm 3, thị trấn N, huyện N là tài sản chung của ông G và bà P, mỗi người được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng 50%, theo đúng quy định pháp luật để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Ngoài ra, bà M khởi kiện thêm các loại tài sản khác, gồm 01 Xe mô tô loại Aiblade, biển kiểm soát 69 N1 – 3556, 01 Xe mô tô loại Future II, biển kiểm soát 69 F8 – 3885 và 04 phần đất nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Năm Căn (nay là Ban quản lý rừng phòng hộ Biển Tây), đất tọa lạc tại Ấp Ô, xã L, huyện N là tài sản chung giữa ông G và bà P, cụ thể:

Diện tích 52.084,3m², thuộc thửa 32 + 46 khoảnh 57, Tiểu khu 146;

Diện tích 58.358,3m², thuộc thửa 16 + 120 khoảnh 63, Tiểu khu 151;

Diện tích 112.517,3m², thuộc thửa 04 + 06 khoảnh 63; Tiểu khu 151;

Diện tích 52.612,9m², thuộc thửa 15 + 24 khoảnh 63; Tiểu khu 151;

Yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền nhận khoán đất rừng giữa bà P với ông G đối với phần đất diện tích 52.084,3m²

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà M xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với 04 phần đất rừng, 02 xe mô tô và huỷ hợp đồng tặng cho đất giao khoán. Trường hợp 03 phần đất ở tại Khóm 3, thị trấn N không đủ thi hành án trả nợ cho bà, thì bà tiếp tục khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:* Ông G không đồng ý đối với yêu cầu của bà M, vì:

Tháng 4/2016, bà P chuyển nhượng nền nhà cho bà Ánh Minh, nền nhà này năm 2012 đã phân chia cho bà P có chiều ngang 8m, dài 70m, tọa lạc Khóm 3, thị trấn N, huyện N, giá trị 800.000.000 đồng. Do lúc này bà P nợ bà M 335.000.000 đồng. Hiện nay bà M quản lý nền nhà và giữ luôn số tiền còn lại sau khi thanh toán nợ (465.000.000 đồng).

Phần đất diện tích 52.084,3m² nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Năm Căn tọa lạc tại Ấp Ô, xã L, huyện N như bà M trình bày là đất của riêng

ông G, ông G cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Lệ và ông Nguyễn Văn Tiền mượn 2,4ha để nuôi mẹ ruột ông G, phần đất do ông Tiền đứng tên sổ hợp đồng giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N, hiện nay bà Lệ và ông Tiền đã ly hôn, phần đất này giữa ông G với bà Lệ và ông Tiền không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với các phần đất nuôi trồng thủy sản khác tọa lạc tại Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau, gồm:

- Phần đất diện tích 58.358,3m², thuộc thửa 16 + 120 khoảnh 63;
- Phần đất diện tích 112.517,3m², thuộc thửa 04 + 06 khoảnh 63;
- Phần đất diện tích 52.612,9m², thuộc thửa 15 + 24 khoảnh 63;

Các tài sản này cũng là của riêng ông G, mặc dù có 03 sổ hợp đồng giao khoán nhưng thực tế chưa phân chia ranh giới. Nguồn gốc các phần đất này là do ông G tự khai phá. Hiện tại ông G đã thế chấp 01 sổ hợp đồng giao khoán phần đất diện tích 52.612,9m² cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N vay 200.000.000 đồng vào đầu năm 2021 để cho bạn của ông G mượn lại làm ăn. Ông G không yêu cầu Tòa án xem xét việc cho mượn tiền này. Đối với các sổ giao khoán đất khác thì ông G đang quản lý.

Đối với các tài sản khác:

Xe mô tô loại Aiblade, biển kiểm soát 69 N1 – 3556, ông G đứng tên và đang quản lý, giá trị khi mua trên 60 triệu, là xe riêng của ông G.

Xe mô tô loại Future II, biển kiểm soát 69 F8 – 3885, bà P đứng tên và đang quản lý, giá trị khi mua trên 20 triệu, là tiền của ông G mua cho bà P.

Tài sản chung giữa ông G và bà P đã phân chia vào năm 2012, bà P đã được nhận khối tài sản nhiều hơn ông nên bà M yêu cầu xác định tài sản chung nêu trên để đảm bảo thi hành án là không hợp lý.

Ông G khởi kiện phản tố yêu cầu Tòa án xem xét phần đất ngang 8m bà P chuyển nhượng cho bà M diện tích 480m² và số tiền 600.000.000 đồng là tài sản chung của ông G và bà Trần Thị Mai P, bà M đang quản lý đất nên chia lại cho ông. Yêu cầu Tòa án xác định 03 phần đất: Phần đất ngang 5m, dài 58.95m, diện tích 371m², thửa số 69, tờ bản đồ số 35; Phần đất chiều ngang 4,96m, chiều dài kéo dài tới sông 28,78m (16m có đất) diện tích 142,4m², thửa số 7,19, tờ bản đồ số 35; Phần đất chiều ngang 7,5m, chiều dài 19,62m, diện tích 146,7m², thửa số 10, 14, 15 tờ bản đồ số 35 tọa lạc Khóm 3, thị trấn N là tài sản riêng của ông G và yêu cầu phân chia.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông G tự nguyện xin rút lại yêu cầu phân chia số tiền 600.000.000 đồng.

* *Bị đơn bà Trần Thị Mai P trình bày:* Do bà P vay tiền của bà Ánh Minh 335.000.000 đồng, tháng 4/2016 bà P chuyển nhượng cho bà M một nền nhà ngang 08m, dài 70m tại khu vực 3, khóm 3 thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau với số tiền 800.000.000 đồng để trừ khoản nợ vay 335.000.000 đồng. Số tiền còn lại bà P dự định làm vốn để kiếm tiền đóng hụi tiếp cho bà M nhưng bà M không giao số tiền dư còn lại dẫn đến việc bà P không có khả năng đóng hụi tiếp cho bà M.

Đến tháng 4/2018 âm lịch hụi mãn, bà P nợ bà M 1.100.000.000 đồng, trừ đi khoản tiền bà M đang giữ của bà P. Như vậy bà P chỉ còn nợ bà M 635.000.000 đồng, việc bà M kiện bà P buộc thanh toán 1.100.000.000 đồng là không đúng.

Đối với phần đất thổ cư chiều ngang 08m, chiều dài 51.5m diện tích 480m², thửa số 100, tờ bản đồ 35 được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2019 do bà Nguyễn Ánh M (trước đây là bà Trần Thị Mai P) đứng tên quyền sử dụng. Bà P xác định trước đây là tài sản chung, sau đó phân chia cho bà nên phần đất này là tài sản riêng của bà.

Đối với 03 phần đất còn lại cụ thể: Phần đất ngang 5m, dài 58.95m, diện tích 371m², thửa số 69, tờ bản đồ số 35; Phần đất chiều ngang 4,96m, chiều dài kéo dài tới sông 28,78m (16m có đất) diện tích 142,4m², thửa số 7,19, tờ bản đồ số 35; Phần đất chiều ngang 7,5m, chiều dài 19,62m, diện tích 146,7m², thửa số 10, 14, 15 tờ bản đồ số 35 tọa lạc Khóm 3, thị trấn N thì trước đây là tài sản chung của bà và ông G nhưng sau đó phân chia cho ông G để nuôi con, nên hiện nay là tài sản riêng của ông G.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ Biển Tây trình bày:* Ông Nguyễn Văn G là người ký hợp đồng giao nhận khoán quản lý bảo vệ rừng với đơn vị.

+ Hợp đồng giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 000074, theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP do ông Nguyễn Văn G đứng tên thuộc thửa 32+46, khoảnh 57, tiểu khu 146, tờ bản đồ số 21; tọa lạc Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau. Diện tích giao khoán 52.084,3m; loại rừng: rừng sản xuất;

+ Hợp đồng giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 000615, theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP do ông Nguyễn Văn G đứng tên thuộc thửa 15+24, khoảnh 63, tiểu khu 151, tờ bản đồ số 24; tọa lạc Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau. Diện tích giao khoán 52.612,9m; loại rừng: rừng sản xuất;

+ Hợp đồng giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 000616, theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP do ông Nguyễn Văn G đứng tên thuộc thửa 16+120, Diện tích giao khoán 58.358,3m; loại rừng: rừng khoảnh 63, tiểu khu 151, tờ bản đồ số 20; tọa lạc Ấp Ô, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau; loại rừng: rừng sản xuất.

+ Hợp đồng giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 000617, theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP do ông Nguyễn Văn G đứng tên thuộc thửa 4+6, khoảnh 63, tiểu khu 151, tờ bản đồ số 20; tọa lạc Ấp Ô, xã L huyện N, tỉnh Cà Mau. Diện tích giao khoán 112,517,3m; loại rừng: rừng sản xuất.

Căn cứ theo quy định của pháp luật thì đối với đất rừng được giao khoán cho hộ dân trên lâm phận không thuộc trường hợp được kê biên, tách thửa để đấu giá thi hành án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện N trình bày:* Hiện tại đơn vị đang thụ lý thi hành Bản án số 24/2016/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện N; Quyết định số 37/2016/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Tuyên xử: Buộc bà Trần Thị Mai P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Ánh M nợ hụi với tổng số tiền là 1.110.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án.

Qua xác minh, Chi cục thi hành án dân sự huyện N được biết bà Trần Thị Mai P có tài sản chung với ông Nguyễn Văn G (là chồng của bà P) giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2016 đã tạo lập được các tài sản gồm:

- Phần đất ở thuộc Khu vực 3, Khóm 3, thị trấn N, nguồn gốc đất sang nhượng từ ông Trần Văn Thuận, ngang 7,5m x dài kéo thẳng ra sông, phía Đông giáp đất Tám Chuối, phía Tây giáp nhà Mười Vũ (đất không có tranh chấp).

- Phần đất ở thuộc Khu vực 3, Khóm 3, thị trấn N nguồn gốc đất sang từ ông Mai Văn Ni ngang 5m x dài 20m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Sông trên phần đất có căn nhà tạm bằng với diện tích đất.

Quá trình tổ chức thi hành án, do các bên đương sự không thỏa thuận phân chia tài sản chung. Căn cứ quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Theo đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Chi cục thi hành án dân sự huyện N đã có thông báo đến các đương sự về việc phân chia tài sản chung hoặc khởi kiện tại Tòa án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày:* Vào ngày 02/12/2019 ông Nguyễn Văn G có ký kết hợp đồng tín dụng vay tín chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện N (Agribank) với số tiền 100.000.000 đồng, Ngân hàng có giữ Hồ sơ giao nhận khoán rừng và đất rừng sản xuất số 006615 do hộ nhận khoán Nguyễn Văn G đại diện đứng tên. Theo quan điểm của Agribank huyện N ông Nguyễn Văn G vay vốn không vi phạm nghĩa vụ đối với hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng không khởi kiện, nếu sau này có vi phạm phía Ngân hàng sẽ khởi kiện sau.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ trình bày:* Nguyên vào năm 1984, anh của bà Lệ là ông G có khai phá một phần đất tại thửa số 703, khoảnh 57, tiểu khu 146. Đến năm 1997, ông G cho bà Lệ mượn làm toàn bộ Kinh Đào ngang 02m. Khoảng 02 năm sau bà Lệ cải tạo lại bằng xáng ngang 05m hết chu vi đất trong vuông, bà Lệ khai phá được khoảng 800m³, cống làm xi măng 0,9m dài 8m, bà Lệ đang canh tác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Thuận trình bày:* Trước đây không nhớ thời gian ông có chuyển nhượng cho bà P phần đất ngang 7,5m từ Quốc lộ 1A chạy dài ra kênh Xẻo Nặng với số tiền 27.000.000 đồng, hợp đồng có làm giấy tay. Nay ông xác định đã chuyển nhượng xong, ông đã nhận tiền, bà P nhận đất nên không đòi lại đất, không có ý kiến gì trong vụ án và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M về việc xác định 03 phần đất tọa lạc tại Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau là tài sản chung giữa ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P, bà P có quyền sở hữu và quyền sử dụng đất là 40%.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Văn G yêu cầu bà Trần Thị Mai P phân chia lại cho ông tổng số tiền 726.666.000 đồng.

Tuyên bố Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung đề ngày 01/01/2012 giữa ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P là vô hiệu.

Tuyên bố phần đất thửa số 69, tờ bản đồ số 35, diện tích 371m² (theo mục kê và Bản đồ chỉnh lý năm 2012), chiều ngang 5m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp đất ông Châu Ngọc Thuận, chiều dài một cạnh phía Đông dài 58,95m giáp đất bà Phạm Thị Liên đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Bình và bà Lâm Phương Anh, một cạnh phía Tây dài 58,72m² giáp đất ông Nguyễn Văn Hở và bà Lê Ngọc Bích; phần đất thửa số 7, 19, tờ bản đồ số 35, diện tích 142,4m² (theo mục kê và Bản đồ chỉnh lý năm 2012), chiều ngang 4,96m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Kênh Xẻo Nặng, chiều dài một cạnh phía Đông dài 28,78m giáp đất bà Nguyễn Thị Huyền, một cạnh phía Tây giáp đất ông Cao Minh Tuyền dài 28,64m, trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 84m² (ngang 4,96m, dài 16,94m); phần đất thửa số 10, 14, 15 tờ bản đồ số 35, diện tích 146,7m² (theo mục kê và Bản đồ chỉnh lý năm 2012), chiều ngang 7,50m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Kênh Xẻo Nặng, chiều dài một cạnh phía Đông dài 19,62m giáp đất ông Tô Minh Thảo, một cạnh phía Tây dài 19,50m giáp đất ông Mai Tấn Bửu, đất cùng tọa lạc tại Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau là tài sản chung của

ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P, trong đó bà Trần Thị Mai P có quyền sở hữu và quyền sử dụng đất là 40%.

(Có 03 bản Trích đo hiện trạng cùng ngày 10/8/2018 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ – Quan trắc – Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau kèm theo).

Buộc bà Trần Thị Mai P có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn G tổng số tiền 726.666.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Văn G yêu cầu xác định phần đất chiều ngang 08m, chiều dài 51,5m, diện tích 480m², thửa số 100, tờ bản đồ 35 do bà Nguyễn Ánh M đứng tên quyền sử dụng, giá trị năm 2024 là 2.720.000.000 đồng là tài sản chung của ông G, bà P và yêu cầu phân chia.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Văn G yêu cầu xác định phần đất thửa số 69, tờ bản đồ số 35, diện tích 371m²; phần đất thửa số 7, 19, tờ bản đồ số 35, diện tích 142,4m², trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 84m²; phần đất thửa số 10, 14, 15 tờ bản đồ số 35, diện tích 146,7m² (theo mục kê và Bản đồ chỉnh lý năm 2012), đất tọa lạc tại Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau là tài sản riêng của ông G.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M về việc yêu cầu xác định 01 xe mô tô loại Aiblade, biển kiểm soát 69 N1 – 3556, 01 xe mô tô loại Future II, biển kiểm soát 69 F8 – 3885 và 04 phần đất nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Biển Tây gồm: Diện tích 52.084,3m², thuộc thửa 32 + 46 khoảnh 57, Tiểu khu 146; Diện tích 58.358,3m², thuộc thửa 16 + 120 khoảnh 63, Tiểu khu 151; Diện tích 112.517,3m², thuộc thửa 04 + 06 khoảnh 63; Tiểu khu 151; Diện tích 52.612,9m², thuộc thửa 15 + 24 khoảnh 63; Tiểu khu 151 đất cùng tọa lạc tại Ấp Ô, xã L, huyện N là tài sản chung của ông G và bà P; Yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền nhận khoán đất rừng giữa bà P với ông G đối với phần đất diện tích 52.084,3m² thuộc thửa 32 + 46 khoảnh 57, Tiểu khu 146.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Văn G yêu cầu bà P phân chia cho ông số tiền mặt 600.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/5/2024, ông Nguyễn Văn G kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phần tranh luận:

Ông G không tranh luận.

Bà M tranh luận: phần đất ngang 08m là của bà P chuyển nhượng cho bà, nếu bà P xác định bà chưa đưa tiền thì vì sao bà quản lý đất, cất nhà bà P không có ý kiến.

Bà P tranh luận: việc giao đất cho bà M là để cầm cố nhưng bà M không giao tiền nên bà phải đi Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: ông G rút yêu cầu khởi kiện nhưng án sơ thẩm không đình chỉ đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của ông G, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của ông G, các phần khác giữ y như án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Ánh M khởi kiện yêu cầu công nhận 03 phần đất do ông G đang quản lý là tài sản chung của ông G bà P. Ông G có đơn yêu cầu xem xét phần đất bà P đang quản lý diện tích 480m² và 600.000.000 đồng là tài sản chung của ông và bà P. Trong giai đoạn giải quyết sơ thẩm ông G rút yêu cầu. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà M và chấp nhận một phần yêu cầu của ông G nên ông G kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của ông G, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 15/4/2024, ông G có đơn đề nghị rút đơn khởi kiện và đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm. Lẽ ra, khi giải quyết, cấp sơ thẩm phải đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông G đối với các yêu cầu phản tố của ông G. Nhưng cấp sơ thẩm vẫn xem xét yêu cầu của ông G và chia phần đất cho ông G được hưởng 50% đối với giá trị của phần đất. Việc cấp sơ thẩm giải quyết khi đương sự rút đơn yêu cầu là đã vượt quá phạm vi giải quyết của Tòa án nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của ông G là phù hợp.

[3] Đối với kháng cáo của ông G không đồng ý việc Tòa án công nhận cả 03 phần đất là tài sản chung của ông G, bà P, thấy rằng:

[3.1] Ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, có tài sản chung gồm 04 phần đất nền tại Khóm 3, thị trấn N (có 01 nền đất bà P đã chuyển nhượng

cho bà M vào ngày 09/3/2016); 04 phần đất giao khoán đất rừng tại Ấp Ô, xã L và 02 xe mô tô.

[3.2] Ngày 01/01/2012 ông G và bà P có văn bản phân chia tài sản: Bà P nhận 01 phần đất nền (đã chuyển nhượng cho bà M) và 600.000.000 đồng; Nhà đất còn lại giao hết cho ông G, văn bản phân chia không có công chứng, chứng thực.

[3.3] Ngày 13/11/2015, ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P tiếp tục lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung: bà Trần Thị Mai P tự nguyện nhận 01 xe mô tô hiệu Future II, biển số kiểm soát 69F8-3885; các tài sản còn lại chia cho ông Nguyễn Văn G gồm 04 phần đất rừng giao khoán tại Ấp Ô, xã L và 01 xe mô tô hiệu Airblade, biển số kiểm soát 69N1-3556, văn bản phân chia có chứng thực của UBND xã Lâm Hải. Bà P xác định khi lập văn bản phân chia tài sản chung thì chỉ có bà P và ông G biết, không có thông báo cho bà M biết sự việc trên.

[3.4] Ngày 31/5/2016, bà P và ông G ly hôn, tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 13/2016/HNGĐ-ST ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện N quyết định không công nhận ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P là vợ chồng, về tài sản các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.5] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện N đã buộc bà Trần Thị Mai P trả cho bà Nguyễn Ánh M số tiền nợ hui là 1.110.000.000 đồng, bản án có hiệu lực thi hành nhưng bà P không thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

[4] Như vậy, việc bà P nợ tiền bà M là thực tế, sau khi bản án có hiệu lực bà P cũng không có khả năng thanh toán cho bà M. Khi bà P ông G ly hôn thì ông bà cũng xác định tài sản chung tự thỏa thuận. Do bà P không có khả năng để thi hành án nên bà M khởi kiện yêu cầu xác định tài sản chung của bà P và ông G là phù hợp. Ông G xác định đã phân chia tài sản chung giữa ông G và bà P xong nên không đồng ý theo yêu cầu bà M. Xét thấy, sau khi ông G bà P tự ký văn bản phân chia tài sản nhưng không thông báo cho những người chủ nợ như bà P biết sự việc nêu trên. Đồng thời, ông G bà P lại cùng ký nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các phần đất ở Khóm 3 nêu trên, ông G với bà P cùng là người được nhận mà lẽ ra khi phân chia tài sản xong, các phần đất trên là của ông G thì tiền nhận bồi thường cũng phải của ông G, thể hiện tại các phiếu chi đề ngày 21/6/2014 và 08/4/2014.

[5] Như vậy án sơ thẩm xác định cả 03 phần đất ông G đang quản lý là tài sản chung của ông G bà P là phù hợp, trong đó, bà P được nhận 40%, ông G được nhận 60%, các đương sự không kháng cáo về tỉ lệ phần trăm được nhận nên Hội đồng không đặt ra xem xét.

[6] Ông G kháng cáo đối với yêu cầu ông đã rút nhưng cấp sơ thẩm giải quyết là phù hợp. Đối với kháng cáo của ông G cho rằng 03 phần đất ông đang quản lý là tài sản riêng của ông nhưng ông G không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho kháng cáo của ông nên không có căn cứ chấp nhận như nhận định nêu trên.

[7] Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông G đối với phần yêu cầu ông đã rút, không chấp nhận kháng cáo của ông G đối với 03 phần đất ông quản lý là tài sản riêng của ông theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: ông G không phải chịu.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 4 Điều 308, 311 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn G.

Hủy và đình chỉ một phần, Giữ nguyên một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M về việc xác định 03 phần đất tọa lạc tại Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau là tài sản chung giữa ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P, bà P có quyền sở hữu và quyền sử dụng đất là 40%, 03 phần đất cụ thể:

Phần đất thứ nhất: thửa số 69, tờ bản đồ số 35, diện tích 371m² (theo mục kê và Bản đồ chỉnh lý năm 2012), chiều ngang 5m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp đất ông Châu Ngọc Thuận, chiều dài một cạnh phía Đông dài 58,95m giáp đất bà Phạm Thị Liên đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Bình và bà Lâm Phương Anh, một cạnh phía Tây dài 58,72m² giáp đất ông Nguyễn Văn Hở và bà Lê Ngọc Bích;

Phần đất thứ hai: thửa số 7, 19, tờ bản đồ số 35, diện tích 142,4m² (theo mục kê và Bản đồ chỉnh lý năm 2012), chiều ngang 4,96m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Kênh Xẻo Nặng, chiều dài một cạnh phía Đông dài 28,78m giáp

đất bà Nguyễn Thị Huyền, một cạnh phía Tây giáp đất ông Cao Minh Tuyên dài 28,64m, trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 84m² (ngang 4,96m, dài 16,94m);

Phần đất thứ ba: thửa số 10, 14, 15 tờ bản đồ số 35, diện tích 146,7m² (theo mục kê và Bản đồ chỉnh lý năm 2012), chiều ngang 7,50m, mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh, hậu giáp Kênh Xẻo Nặng, chiều dài một cạnh phía Đông dài 19,62m giáp đất ông Tô Minh Thảo, một cạnh phía Tây dài 19,50m giáp đất ông Mai Tấn Bửu,

(Có 03 bản Trích đo hiện trạng cùng ngày 10/8/2018 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ – Quan trắc – Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau kèm theo).

2. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết đối với một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn G về việc yêu cầu phân chia tài sản chung của ông G và bà P đối với phần đất chiều ngang 08m, chiều dài 51,5m, diện tích 480m², thửa số 100, tờ bản đồ 35 do bà Nguyễn Ánh M đứng tên quyền sử dụng, giá trị năm 2024 là 2.720.000.000 đồng; buộc bà Trần Thị Mai P có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Nguyễn Văn G tổng số tiền 726.666.000 đồng.

3. Tuyên bố Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung đề ngày 01/01/2012 giữa ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P là vô hiệu.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Văn G yêu cầu xác định phần đất thửa số 69, tờ bản đồ số 35, diện tích 371m²; phần đất thửa số 7, 19, tờ bản đồ số 35, diện tích 142,4m², trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích 84m²; phần đất thửa số 10, 14, 15 tờ bản đồ số 35, diện tích 146,7m² (theo mục kê và Bản đồ chỉnh lý năm 2012), đất cùng tọa lạc tại khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau là tài sản riêng của ông G.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Văn G yêu cầu bà P phân chia cho ông số tiền mặt 600.000.000 đồng.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh M về việc yêu cầu xác định 01 xe mô tô loại Aiblade, biển kiểm soát 69 N1 – 3556, 01 xe mô tô loại Future II, biển kiểm soát 69 F8 – 3885 và 04 phần đất nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ Biển Tây gồm: Diện tích 52.084,3m², thuộc thửa 32 + 46 khoảnh 57, Tiểu khu 146; Diện tích 58.358,3m², thuộc thửa 16 + 120 khoảnh 63, Tiểu khu 151; Diện tích 112.517,3m², thuộc thửa 04 + 06 khoảnh 63; Tiểu khu 151; Diện tích 52.612,9m², thuộc thửa 15 + 24 khoảnh 63; Tiểu khu 151 đất cùng tọa lạc tại Ấp Ô, xã L, huyện N là tài sản chung của ông G và bà P; Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền nhận khoán đất rừng giữa bà P với ông G đối với phần đất diện tích 52.084,3m² thuộc thửa 32 + 46 khoảnh 57, Tiểu khu 146.

6. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Văn G phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền 10.350.000 đồng, ông G đã nộp và đối chiếu thanh toán xong.

Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị Mai P liên đới hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ánh M tổng số tiền 17.490.000 đồng, trong đó mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 8.745.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người bị thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông G và bà P. Bà Nguyễn Ánh M không phải chịu án phí.

Hoàn trả lại cho ông G số tiền 16.540.000 đồng dự nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0015664 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí 20.250.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0015659 ngày 01/11/2017, số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015945 ngày 16/5/2018 và số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007687 ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Cà Mau.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông G được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào